

Một số vấn đề chính sách và thực tiễn về tuổi kết hôn ở miền Bắc giai đoạn 1960-1975

Hà Thị Minh Khương

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Tuổi kết hôn hay tuổi kết hôn trung bình lần đầu là tiêu chí quan trọng phản ánh đặc trưng dân số và sự tiến bộ xã hội của mỗi quốc gia. Kể từ khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945), Đảng và Chính phủ đã có sự ưu tiên đặc biệt đến một số vấn đề xã hội then chốt như ban hành chính sách pháp luật nhằm xóa bỏ chế độ hôn nhân gia đình phong kiến, xây dựng gia đình mới, trong đó có quy định nâng tuổi kết hôn của nam nữ để xóa bỏ tệ nạn tảo hôn. Dựa vào nguồn tài liệu thứ cấp, bài viết tìm hiểu chính sách hôn nhân gia đình về tuổi kết hôn và thực trạng tuổi kết hôn miền Bắc giai đoạn 1960-1975 để góp phần vào việc nhận diện xu hướng biến đổi của tuổi kết hôn ở Việt Nam⁽¹⁾.

Từ khóa: Hôn nhân - Gia đình; Luật Hôn nhân - Gia đình; Tuổi

1. Giới thiệu

Tuổi kết hôn hay tuổi kết hôn trung bình lần đầu không chỉ là tiêu chí quan trọng phản ánh đặc trưng dân số mà nó còn phản ánh trình độ phát triển của mỗi quốc gia. Nhiều chính phủ trên thế giới đã xem việc nâng cao tuổi kết hôn như một trong những biện pháp thúc đẩy tiến bộ xã hội. Ở Việt Nam, hôn nhân là vấn đề rất quan trọng, do vậy mà gia đình và hệ thống

thân tộc thường tạo ra áp lực làm tăng tình trạng kết hôn sớm, đặc biệt trong thời kỳ phong kiến. Sau Cách mạng Tháng 8 thành công năm 1945, mặc dù đất nước đang trong bối cảnh cực kỳ khó khăn, Đảng và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã có sự quan tâm và ưu tiên đặc biệt đến vấn đề hôn nhân gia đình - điển hình là việc tiến hành soạn thảo Luật Hôn nhân Gia đình đầu tiên ở Việt Nam vào năm 1959.

Quan hệ hôn nhân gia đình ở miền Bắc thời kỳ 1960-1975 chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng phong kiến vốn đã ăn sâu vào đời sống xã hội từ nhiều thế kỷ nay và cũng không tránh khỏi sự tác động từ bối cảnh kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội đặc biệt ở miền Bắc lúc bấy giờ, đó là sự chuyển đổi mô hình kinh tế và hệ tư tưởng, ban hành chính sách hôn nhân gia đình và các biến động cơ học về mật dân số - xã hội. Từ 1960 đến 1975, đất nước bị chia thành 2 miền Nam - Bắc, miền Bắc vừa chống chiến tranh phá hoại vừa tiến hành cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc. Dân số miền Bắc thời kỳ này có những biến động cơ học rất lớn, nhiều thanh niên và trung niên khoẻ mạnh nhất ở miền Bắc đã ra tiền tuyến, đặc biệt là sau lệnh tổng động viên năm 1965. Tính tổng cộng trong 15 năm (1960-1975), miền Bắc có 3 triệu thanh niên vào bộ đội, chưa kể đến thanh niên xung phong và các lực lượng khác (trung bình khoảng 20 vạn người/năm) (Đặng Phong, 2005: 302). Đồng thời, xã hội miền Bắc thời kỳ này đang tồn tại hai hệ tư tưởng phong kiến và hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa và điều này có tác động trái ngược đến sự biến đổi của vấn đề hôn nhân - gia đình. Như vậy, những biến chuyển mạnh mẽ về chính trị, kinh tế và xã hội lúc bấy giờ đã tác động đến độ tuổi kết hôn của nam nữ thanh niên.

Thời kỳ 1960-1975 là giai đoạn lịch sử quan trọng phản ánh quá trình biến đổi trong lĩnh vực hôn nhân - gia đình Việt Nam, nhưng đến nay những nghiên cứu về lịch sử hôn nhân gia đình thời kỳ này còn rất ít ỏi. Dựa vào nguồn tài liệu thứ cấp, bài viết phân tích các chính sách hôn nhân gia đình về tuổi kết hôn, thực trạng tuổi kết hôn miền Bắc giai đoạn 1960-1975 nhằm có những hiểu biết đầy đủ hơn về xu hướng biến đổi tuổi kết hôn.

2. Chính sách hôn nhân gia đình về tuổi kết hôn thời kỳ 1960-1975

Kết hôn là việc xác lập quan hệ vợ chồng và là nền tảng cơ bản để tạo dựng gia đình. Vì lẽ đó, ở bất cứ xã hội nào, kết hôn cũng được coi trọng và khi nhà nước xuất hiện, các quan hệ xã hội được điều chỉnh bằng pháp luật. Pháp luật Việt Nam từ thời phong kiến cho đến nay đều chú trọng việc điều chỉnh kết hôn bằng pháp luật (Bùi Thị Mừng, 2015). Như vậy, việc nam và nữ xác lập quan hệ vợ chồng phải tuân về điều kiện kết hôn

của luật, bao gồm cả tuổi kết hôn, là độ tuổi tối thiểu mà một người được phép lấy chồng/vợ đồng thời là điều kiện bắt buộc để một cuộc hôn nhân có hiệu lực về pháp lý.

Giống như mọi quan hệ xã hội khác, vấn đề hôn nhân gia đình luôn chịu sự chi phối của các quan hệ kinh tế và bản chất chế độ xã hội mà nó được hình thành và phát triển trên đó. Quy định về tuổi kết hôn trong pháp luật của mỗi quốc gia đều xuất phát từ tình hình thực tế, phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội và nền văn hóa của quốc gia đó. Độ tuổi tối thiểu được phép kết hôn được xem là phù hợp phải thể hiện sự đảm bảo an toàn cho cuộc hôn nhân xét từ phương diện của sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của mỗi giới (Bùi Thị Mừng, 2012). Dưới chế độ phong kiến, quan niệm truyền thống về tuổi kết hôn là “nữ thập tam, nam thập lục”, nghĩa là con gái 13 tuổi, con trai 16 tuổi có thể lấy vợ gả chồng, vì thế việc dựng vợ gả chồng cho con cái thường là rất sớm, đặc biệt ở nông thôn (Thanh Lê, 2001).

Dưới thời Pháp thuộc, thực dân Pháp đã chia nước ta thành 3 miền Bắc, Trung, Nam và áp dụng 3 Bộ dân luật dân sự để điều chỉnh quan hệ hôn nhân và gia đình. Ở Bắc Kỳ áp dụng các quy định trong Bộ dân luật năm 1931 hay còn gọi là Bộ dân luật Bắc Kỳ; ở Trung Kỳ có Hoàng Việt Trung Kỳ hộ luật năm 1936 hay còn gọi là Bộ dân luật Trung Kỳ; còn ở Nam Kỳ áp dụng các quy định trong Bộ dân luật giản yếu năm 1883. Bộ dân luật giản yếu quy định tuổi kết hôn của nữ ít nhất là 14, nam ít nhất là 16. Ở miền Bắc, Bộ dân luật Bắc Kỳ quy định tuổi kết hôn của nam là đầy 18 tuổi và nữ là đầy 15 tuổi (Điều 73). Trước khi có các bộ luật nêu trên, luật cổ chưa quy định cụ thể về điều kiện độ tuổi kết hôn (Bùi Thị Mừng, 2012). Như vậy, tuổi kết hôn theo phong tục của người Việt và theo quy định tuổi kết hôn thời Pháp thuộc là tương đối thấp (khoảng 16-18 tuổi đối với nam và nữ là 14-15), ở độ tuổi này được khoa học chứng minh chưa phù hợp cho việc xác lập hôn nhân và sinh nở.

Trước thực trạng kết hôn sớm như vậy, việc xác định và quy định tuổi kết hôn cho nam nữ thanh niên ở miền Bắc thời kỳ này là vấn đề quan trọng của Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa nhằm xóa bỏ được tệ nạn tảo hôn, vốn được coi là một hủ tục, có tác hại vô cùng to lớn đối với sự phát triển xã hội lúc bấy giờ.

Chính vì vậy, ngay sau Cách mạng Tháng 8, Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành Sắc lệnh 47/SL ngày 10 tháng 10 năm 1945 tạm giữ các luật lệ hiện hành ở Việt Nam để thi hành cho đến khi ban hành những bộ luật mới cho toàn cõi Việt Nam; và trên cơ sở Hiến pháp đầu tiên (năm 1946), Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 97/SL ngày 22 tháng 5 năm 1950 sửa đổi một

số quy lệ và chế định trong dân luật. Sắc lệnh này quy định người con đã thành niên kết hôn mà không bắt buộc có ý kiến của cha mẹ (Điều 2), và coi người vị thành niên là người chưa đủ 18. “Điều 22: *Người con đã thành niên không bắt buộc phải có cha mẹ bằng lòng mới kết hôn được; Điều 77: Người vị thành niên là con trai hay con gái chưa đủ 18 tuổi. Khi đã đến tuổi thành niên thì dù còn ở với cha mẹ, người con cũng có quyền tự lập*”. Như vậy, trước khi Luật Hôn nhân và Gia đình (HN&GD) năm 1959 có hiệu lực, ở miền Bắc thời kỳ này mọi quy định về kết hôn vẫn được áp dụng theo các bộ luật dân sự cũ và thanh niên phải đủ 18 tuổi mới được kết hôn.

Đến năm 1958, Chính phủ ra Nghị quyết 00/KHÔNG SỐ năm 1958 và 1959 nhấn mạnh sự cần thiết phải ban hành Luật HN&GD. Việc hình thành Luật HN&GD, cho dù trong hoàn cảnh đất nước khó khăn, đã thể hiện những bước đi khoa học. Ngay trước khi Luật ban hành, Chính phủ đã “tổ chức nhiều cuộc thảo luận để lấy ý kiến”. Luật HN&GD năm 1959 đã được Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà khoá thứ nhất, kỳ họp thứ 11, thông qua trong phiên họp ngày 29 tháng 12 năm 1959, có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 1 năm 1960. Việc tuyên truyền phổ biến ngay lập tức tổ chức thực hiện trong toàn bộ hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương: Trung ương Đảng đã quyết định tổ chức vào tháng 1 năm 1961 một đợt tuyên truyền, vận động sâu rộng trong Đảng và ngoài nhân dân về Luật HN&GD (Báo Phụ nữ Việt Nam, số 87, tháng 1 năm 1960, tr.20).

Luật HN&GD năm 1959 đã mở ra trang mới đối với thực thi pháp luật các quan hệ hôn nhân và gia đình nói chung và tuổi kết hôn nói riêng. Việc cấm tảo hôn hay kết hôn không theo tuổi quy định trong luật định đã ghi rõ tại Điều 3, Chương 1 về Nguyên tắc chung “Cấm tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, cản trở hôn nhân tự do...”. Luật đã dành chương riêng để quy định về kết hôn, cùng với đó điều kiện về tuổi kết hôn cũng được cụ thể hóa tại Điều 6, Chương II: “*Con gái từ 18 tuổi trở lên, con trai từ 20 tuổi trở lên mới được phép kết hôn*” (Điều 66, Chương II, Kết hôn). Luật cũng quy định việc xử phạt hành vi vi phạm điều kiện kết hôn khi chưa đủ tuổi tại Điều 34, Chương VI, Điều khoản thi hành. Như vậy, so với quy định tuổi kết hôn trước đây là nam nữ đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) được kết hôn thì Luật này quy định riêng tuổi kết hôn cho từng giới nam và nữ.

Sau khoảng 10 năm Luật HN&GD năm 1959 dần đi vào thực tiễn, vào năm 1970, Chính phủ đã ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật dưới dạng các thông tư, nghị định, hướng dẫn... nhằm giải thích cụ thể các vi phạm luật hôn nhân và gia đình trong trường hợp kết hôn trước tuổi

do luật định (con gái từ 18 tuổi trở lên; con trai từ 20 tuổi trở lên) (Tòa án Nhân dân tối cao, 1970).

Như vậy, bắt đầu từ năm 1960, Luật HN&GD đầu tiên ở Việt Nam có hiệu lực, nghiêm cấm việc kết hôn sớm so với luật định đã được đi vào thực tiễn cuộc sống. Luật HN&GD đầu tiên ra đời là hòn đá tảng xây dựng chế độ hôn nhân và gia đình mới. Tuổi kết hôn theo Luật HN&GD năm 1959 đã được quy định riêng cho nam và nữ và độ tuổi kết hôn được tăng lên so với quy định trong Bộ dân luật Bắc Kỳ thời kỳ Pháp thuộc và so với Sắc lệnh về tuổi kết hôn của Nhà nước trước đây. Đây là dấu hiệu thể hiện sự tiến bộ đáng kể trong việc điều chỉnh pháp luật về kết hôn hướng tới việc đảm bảo lợi ích của người kết hôn, của gia đình và của xã hội (Bùi Thị Mừng, 2015).

3. Tuổi kết hôn ở miền Bắc thời kỳ 1960-1975

Bắt đầu từ năm 1960, Luật HN&GD đầu tiên ở Việt Nam có hiệu lực thi hành, như vậy độ tuổi kết hôn của nam nữ theo Luật định đã đi vào thực tiễn cuộc sống ở miền Bắc. Thông qua một số tư liệu về hôn nhân gia đình ở miền Bắc thời kỳ trước 1975 cho thấy tuổi kết hôn người dân miền Bắc thời kỳ này đã có xu hướng tăng lên.

Trước khi Luật HN&GD năm 1959 có hiệu lực thì ở xã hội nông thôn miền Bắc, nạn kết hôn sớm vẫn phổ biến ở mọi tầng lớp xã hội, ở cả giai cấp giàu có và nông dân: “Nạn tảo hôn có ở cả gia đình phong kiến giàu có và có ở nhiều gia đình nông dân lao động” (Minh Tranh, Xuân Thủy, 1960). Những đánh giá về tệ nạn trong quan hệ hôn nhân gia đình thời kỳ này cho thấy từ 1951-1954 tình trạng nạn tảo hôn rất cao từ 20% đến 30%, đến trước khi Luật HN&GD năm 1959 ra đời, tỷ lệ đã giảm xuống còn khoảng dưới 10%: “Cùng với chế độ phong kiến đã bị tiêu diệt về mặt chính trị và kinh tế, thì tập tục phong kiến về hôn nhân gia đình cũng không hoành hành được như xưa nữa. Nạn tảo hôn đã giảm, nạn ép duyên cũng lui dần, quan hệ gia đình đã được cải tiến một bước. Như thế chưa phải là tập tục phong kiến đã bị quét sạch. Chỉ riêng về nạn tảo hôn, theo cuộc điều tra ở 11 nơi năm 1951 đến 1958 tình hình tảo hôn tuy đã giảm song tỷ lệ tảo hôn trong tổng số kết hôn vẫn đáng chú ý: 1951 là 25,6%, 1952 là 30,5%, 1953 là 28,64%, 1954 là 19,93%, 1955 là 13,2%, 1956 là 10,7%, 1957 là 10,4% và 1958 là 8%. Tình trạng sống sót của nạn tảo hôn, ép duyên một chồng nhiều vợ đã đem lại hậu quả xấu của nó. Những vụ ly hôn, những nạn mẹ 16, 17 tuổi đã đẻ con rồi chết cả mẹ lẫn con, những nạn lục đục giữa vợ với chồng, giữa cha mẹ và con cái, giữa thông gia với nhau đã xảy ra trong các gia đình mà tập tục phong kiến còn đè nặng”

(Minh Tranh, Xuân Thủy, 1960:4).

Mặc dù quy định tuổi kết hôn đã được người dân tuân thủ theo luật nhưng trên thực tế tình trạng vi phạm điều kiện kết hôn, ép buộc con cái lấy chồng khi chưa đủ tuổi theo Luật định vẫn tồn tại ở nhiều gia đình. Năm 1962, trong bài viết “Phải thật sự bảo đảm quyền lợi của người phụ nữ”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ghi lại như sau: “Nói chung thì đồng bào ta đều theo đúng pháp luật. Nhưng vẫn còn một số người làm sai. Ví dụ, con không bằng lòng hoặc con chưa đến tuổi pháp luật đã định (con trai 20 tuổi, con gái 18 tuổi), mà cha mẹ đã ép buộc chúng cưới vợ, lấy chồng; con không làm theo thì chửi mắng, đánh đập...” (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 10, 1960-1962).

Một số nghiên cứu sau này về hôn nhân gia đình ở miền Bắc thời kỳ 1960-1975 cũng đã ghi nhận rằng tuổi kết hôn của phụ nữ và nam giới ở nông thôn miền Bắc thời kỳ 1960-1975 đã tuân thủ theo Luật HN&GD năm 1959. Theo nghiên cứu của Francois Houtart & Geneviève Lemercinier (2001) tuổi kết hôn của phụ nữ xã Hải Vân - một xã thuộc đồng bằng sông Hồng, là 18. Đây được coi là “tuổi chuẩn” để con gái đi lấy chồng. Trên thực tế, để Luật HN&GD năm 1959 đi vào vào cuộc sống hiệu quả, Chính phủ đã tổ chức các chiến dịch rộng lớn nhằm xóa bỏ tệ nạn trong cưới xin, xóa bỏ nạn kết hôn sớm và vận động sinh ít con. Theo Barbara Cohen (2004) thì đi đôi với đạo Luật Hôn nhân Gia đình năm 1959 là một chiến dịch rộng lớn được phát động nhằm lên án tệ xa hoa phung phí trong cưới xin tiệc tùng và thanh niên được khuyến khích không kết hôn trước tuổi 20 nếu là nam, trước tuổi 18 nếu là nữ và mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có hai con. Như vậy, cùng Luật HN&GD và các phong trào xã hội đã góp thúc đẩy người dân thực hiện tốt quy định về tuổi kết hôn ở miền Bắc trong thời kỳ này.

Nguyễn Hữu Minh (2010) cũng cho rằng chính “Những cải cách luật pháp nhằm hợp pháp hoá quyền tự do lựa chọn bạn đời cũng như tăng tuổi kết hôn tối thiểu có thể góp phần quan trọng vào việc định hình một khuôn mẫu mới về tuổi kết hôn. Luật HN&GD năm 1959 của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (được thi hành ở miền Bắc cho đến năm 1975 và áp dụng chung cho cả nước từ năm 1976 đến năm 1986) và các bộ luật sửa đổi tiếp theo đã khẳng định tuổi kết hôn được quy định là 18 cho nữ và 20 cho nam. Phong trào vận động sinh đẻ có kế hoạch, vận động thanh niên kết hôn muộn (26 tuổi đối với nam, 22 tuổi đối với nữ), cũng đã góp phần củng cố chuẩn mực tuổi kết hôn mới (Nguyễn Hữu Minh, 2010:10-11).

Bên cạnh đó, một vài số liệu thống kê về tuổi kết hôn trung bình lần đầu và về chuẩn mực/tiêu chí lựa chọn tuổi của người bạn đời thời kỳ này cho

thấy tuổi kết hôn của nam nữ được tuân thủ tương đối rộng rãi và có xu hướng tăng lên đáng kể. Theo số liệu chọn lọc về phụ nữ Việt Nam thời kỳ 1975-1990 thì tuổi kết hôn trung bình lần đầu của nữ năm 1976 là 20,07 đến 1979-1980 có tăng lên hơn 1,15 tuổi (21,15 tuổi) (Trung tâm Nghiên cứu Khoa học về Gia đình và Phụ nữ, 1990). Bên cạnh đó, khi nghiên cứu biến đổi hôn nhân và gia đình ở Hà Nội giai đoạn 1965 -1992, Daniele Belanger và Khuất Thu Hồng (1995) cho thấy tiêu chí chồng hơn vợ 5 tuổi đã trở thành một trong những tiêu chuẩn của một cặp tương xứng. Điều này góp phần củng cố xu hướng tuân thủ tuổi kết hôn theo luật định đối với nam nữ thanh niên ở miền Bắc thời kỳ trước 1975.

Có nhiều yếu tố tác động đến tuổi kết hôn trung bình lần đầu ở miền Bắc thời kỳ 1960-1970. Các yếu tố chính sách nhà nước và các đặc trưng cá nhân và gia đình, văn hóa, và quyền tự do cá nhân trong việc sắp xếp hôn nhân đã góp phần hình thành xu hướng tăng tuổi kết hôn (Nguyễn Hữu Minh 1997, 2000). Cho đến nay, chỉ có một số ít nghiên cứu về hôn nhân gia đình những năm đầu thế kỷ XXI đề cập đến sự biến đổi của hôn nhân gia đình ở miền Bắc thời kỳ trước 1975 và phân tích các yếu tố tác động đến tuổi kết hôn (Nguyễn Hữu Minh, 2000; Mai Huy Bích 2011; Daniele Belanger, Khuất Thu Hồng, 1995; Bussarawan, 2012). Các nghiên cứu này có điểm chung là đều nhấn mạnh đến yếu tố vai trò nhà nước/chính sách và yếu tố chiến tranh, là những yếu tố có ảnh hưởng rõ rệt nhất đến tuổi kết hôn/tuổi kết hôn trung bình lần đầu của người dân miền Bắc thời kỳ 1960-1975.

Luật HN&GD năm 1959 được coi là một “cuộc cách mạng”, “cuộc cải cách lớn” đã phá vỡ và điều chỉnh quan hệ hôn nhân - gia đình ở miền Bắc trong giai đoạn này theo hướng tiến bộ hơn, từ chế độ hôn nhân phong kiến lạc hậu chuyển sang chế độ hôn nhân tiến bộ một vợ, một chồng, tăng tuổi kết hôn và ghi nhận quyền tự do con đã thành niên, làm cho quyền uy của cha mẹ trong sắp đặt hôn nhân của con cái giảm đi và hạn chế những tệ nạn trong hôn nhân và gia đình thời kỳ này. Có thể nói rằng môi trường pháp lý mới với sự ra đời Luật HN&GD năm 1959 cũng đã tạo nền tảng cho các phong trào xã hội phát triển như phong trào của thanh niên, phụ nữ trong hoạt động sản xuất, tuyên truyền nếp sống mới, xóa bỏ tư tưởng phong kiến lạc hậu.. đã góp phần thay đổi nhận thức và thái độ của người dân đối với vấn đề hôn nhân gia đình, khuyến khích kết hôn đúng tuổi quy định (Barbara Cohen, 2004). Mai Huy Bích (2011:125) cũng nhấn mạnh đến sự tác động của Luật đến xã hội miền Bắc lúc bấy giờ là “quyền tự do hôn nhân trở thành hiện thực với rất đông đảo nam nữ thanh niên”.

Tác động của yếu tố chiến tranh đến độ tuổi kết hôn ở Việt Nam khá

rõ ràng (Nguyễn Hữu Minh, 2000, 2007, 2010; Daniele Belangeri, Khuất Thu Hồng, 1995; Bussarawan, 2012). Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Hữu Minh (2000) từ số liệu của Điều tra nhân khẩu học và sức khỏe Việt Nam 1988, Tổng điều tra dân số 1989, Điều tra lịch sử cuộc sống Việt Nam 1991 và các cuộc điều tra khác đã chứng minh rằng có sự ảnh hưởng mạnh mẽ của yếu tố chiến tranh đến tuổi kết hôn của cả hai giới nam và nữ. Đặc biệt ở lớp năm sinh từ 1941-1945, 1946-1950, 1951-1955 là các nhóm có liên quan đến thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, bên cạnh ảnh hưởng của việc thi hành Luật HN&GD năm 1959, tỷ lệ nam giới kết hôn trước 20 tuổi đã giảm đáng kể do phần lớn nam giới tham gia quân đội ở lứa tuổi 20.

Đồng ý với nhận định về mối liên hệ giữa chiến tranh với xu hướng tăng tuổi kết hôn ở miền Bắc thời kỳ này, Daniele Belanger và Khuất Thu Hồng (1997:253) cũng cho rằng: xét theo thế hệ sinh, có sự khác biệt giữa những người sinh vào năm 1940 và những người sinh trong những năm 50. Các thành viên sinh trước 1950 trải qua thời niên thiếu thuộc giai đoạn đầy hứa hẹn của chủ nghĩa xã hội và bước vào tuổi kết hôn khi cuộc kháng chiến chống Mỹ bắt đầu bước vào thời kỳ ác liệt. Nhiều người trong số họ phải trì hoãn việc hôn nhân và cơ hội tìm kiếm người bạn đời của họ bị hạn chế rất nhiều vì nam giới phải ra trận. Do đó lớp người này có xu hướng kết hôn muộn hơn so với các thế hệ khác. Như vậy những người trải qua và tham gia cuộc chiến tranh đều có xu hướng kết hôn muộn hơn trong xã hội miền Bắc.

4. Kết luận

Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, dưới tác động của những biến chuyển mạnh mẽ về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, đã có những thay đổi đáng kể trong qua hệ hôn nhân gia đình nói chung và tuổi kết hôn nói riêng.

Tuổi kết hôn lần đầu của người dân ở miền Bắc thời kỳ 1960-1975 đã được nâng lên so với trước đây, tuổi kết hôn được ghi nhận tuân thủ theo Luật HN&GD năm 1959 là nam từ 20 tuổi trở lên và nữ từ 18 tuổi trở lên và độ tuổi kết hôn của thanh niên ở miền Bắc thời kỳ này còn có xu hướng diễn ra muộn hơn do tác động của yếu tố chiến tranh. Chính sách và chiến tranh là hai yếu tố có ảnh hưởng mạnh mẽ tới xu hướng quá độ từ khuôn mẫu tuổi kết hôn sớm sang tuổi kết hôn muộn hơn của thanh niên ở miền Bắc trong thời kỳ 1960-1975.

Xét về mặt chính sách, độ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam có tính ổn định trong suốt nhiều thập kỷ qua và được duy trì ổn định

từ Luật HN&GD đầu tiên năm 1959 cho đến các Luật Hôn nhân Gia đình sửa đổi bổ sung vào các năm 1986, 2000, 2014 sau này. Điều này cho thấy việc quy định độ tuổi kết hôn tối thiểu (nam từ 20 tuổi trở lên và nữ từ 18 tuổi trở lên) đã được dựa trên cơ sở khoa học về sự phát triển tâm sinh lý của con người, có tính đến phong tục, tập quán, đạo đức, truyền thống văn hóa của người Việt Nam. Đặc biệt, quy định về độ tuổi kết hôn của nữ là phải đủ mười tám đã đặt nền móng và góp phần hạn chế tình trạng trẻ em gái bỏ học sớm, nâng cao cơ hội đối với trẻ em gái, hướng tới sự bảo đảm bình đẳng giới trên thực tế cho đến hiện nay.

Mặc dù tuổi kết hôn tối thiểu được đánh giá là khá phù hợp với điều kiện thực tế ở Việt Nam, nhưng trong thực tế, các vi phạm pháp luật về tuổi kết hôn lại đang là một dạng vi phạm khá phổ biến hiện nay, kéo theo nhiều hệ quả phức tạp cho đời sống hôn nhân gia đình, ảnh hưởng đến sự phát triển chung của xã hội. Tình trạng này đang diễn ra song song với xu hướng kết hôn muộn cho thấy cần có các nghiên cứu toàn diện hơn về vấn đề này trong thời gian tới. ■

Chú thích

⁽¹⁾ Bài viết nằm trong khuôn khổ Đề tài/Nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở: “*Tuổi kết hôn trung bình lần đầu ở nông thôn miền Bắc giai đoạn 1960-1975*” năm 2017. Đề tài thuộc Chương trình Lịch sử gia đình của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới.

Tài liệu trích dẫn

- Bài nói chuyện tại Hội nghị cán bộ thảo luận dự thảo Luật Hôn nhân và Gia đình (10-10-1959). Hồ Chí Minh toàn tập, tập 9 (1958-1959). http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30008&cn_id=90538.
- Báo Phụ nữ Việt Nam, số 87, tháng 1 năm 1960.
- Barbara Cohen. 2004. “Gia đình Việt Nam qua những thăng trầm lịch sử” (An Overview of Vietnamese Family Through Crisis of History). Chương 11, trong *Gia đình Việt Nam Các giá trị truyền thống và những vấn đề tâm - bệnh lý xã hội*. Chủ biên GS.BS Đặng Phương Kiệt. Nxb. Lao động.
- Bùi Thị Mừng. 2012. “Chế định kết hôn trong pháp luật hôn nhân gia đình Việt Nam qua các thời kỳ dưới góc nhìn lập pháp”. *Tạp chí Luật học*, Số 11.
- Bùi Thị Mừng. 2015. *Chế định kết hôn trong Luật Hôn nhân và Gia đình - Vấn đề lý luận và thực tiễn*. Luận án Tiến sĩ Luật học. Hà Nội.
- Bussarawan Teerawichitchainan. 2012. *War, Military Service, and Union Formation in Northern Vietnam*. Singapore Management University, http://ink.library.smu.edu.sg/cgi/viewcontent.cgi?article=2590&context=soass_research.

- Daniele Belanger, Khuất Thu Hồng. 1997. “Một số biến đổi trong hôn nhân và gia đình ở Hà Nội trong những năm 1965-1992”. Trong *Những nghiên cứu xã hội học về gia đình Việt Nam*. Tương Lai (chủ biên). Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Francois Houtart & Geneviève Lemercinier. 2001. *Xã hội học về một xã ở Việt Nam Tham gia xã hội, các mô hình văn hóa, Gia đình, tôn giáo ở xã Hải Vân*. Người dịch Hồ Hải Thụy. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 10 (1960-1962). “Phải thật sự bảo đảm quyền lợi của người phụ nữ”, ngày 28 tháng 12 năm 1962.
- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959. Số: Không số, ban hành ngày 29 tháng 12 năm 1959.
- Minh Tranh, Xuân Thủy. 1960. *Hôn nhân tự do gia đình hạnh phúc*. Nxb. Phụ nữ.
- Nguyễn Hữu Minh. 2000. ‘Các yếu tố tác động đến khuôn mẫu tuổi kết hôn của dân cư đồng bằng sông Hồng’. *Tạp chí Xã hội học*, số 4(72): Tr. 21-32
- Nguyễn Hữu Minh. 2007. “Khuôn mẫu tuổi kết hôn ở nông thôn Việt Nam và các yếu tố tác động”. *Tạp chí Xã hội học*, số 3 (72), trang 3-14.
- Nguyễn Hữu Minh. 2010. “Tuổi kết hôn ở Việt Nam và yếu tố tác động” *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Số 5 (Q20), trang 3-15.
- Sắc lệnh 47/SL của Chủ tịch Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 10 tháng 10 năm 1945.
- Sắc lệnh số 97/SL của Chủ tịch Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 22 tháng 5 năm 1950.
- Tòa án nhân dân tối cao. 1970. *Sổ tay người thẩm phán*. Tập 1 và 2. Hà Nội.
- Thanh Lê. 2001. *Xã hội học gia đình*. Nxb.Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.
- Trung tâm Nghiên cứu Khoa học về Gia đình và Phụ nữ. 1990. *Số liệu chọn lọc về phụ nữ Việt Nam* (Selected indicators on women status in Vietnam) 1975-1990. Nxb. Thống kê (Statistical Publishing house).